TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35**/2018/HNGĐ - ST
Ngày 10/9/2018
V/v Ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Anh Nhất

2. Ông Nguyễn Ngọc Hậu

- Thư ký phiên tòa: bà Trịnh Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2018/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 về việc ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Ngô Thị O, sinh năm 1990 (có mặt)

ĐKHKTT: tiểu khu B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: anh Trần Quốc T, sinh năm 1984 (vắng mặt)

ĐKHKTT: Trại giam P trụ sở đóng tại thị trấn N (xã T1 cũ), huyện N, tỉnh Thanh Hóa; hiện đang công tác tại: Phân trại số 2.

Nơi ở: thôn V, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Ngô Thị O trình bày:

Về hôn nhân: chị Ngô Thị O và anh Trần Quốc T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 26 tháng 3 năm 2014. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 5/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuẫn là do: anh T không quan tâm đến gia đình, vợ con mà chơi bời dẫn đến nợ nần triền miên, quan hệ ngoài hôn nhân với những cô gái khác. Chị đã 2 lần gửi đơn đến Tòa án nhưng gia đình can ngăn, hòa giải nên 2 lần chị đã rút đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Được một thời gian ngắn anh T vẫn tiếp tục quan hệ ngoại tình. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không khắc phục được mà ngày càng trầm trọng hơn. Chị và anh T quan hệ sinh lý lần cuối vào tháng 3 năm 2018 sau đó sống ly thân. Hiện nay chị không có thai nghén. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh T.

Về con: chị và anh Trần Quốc T có 01 con chung là Trần Ngô Hà M, sinh ngày 05/10/2014 đang ở với chị O. Hiện nay chị làm việc tại Bệnh viện Đa khoa huyện N, mức lương là 5.000.000đ/tháng, chị cam đoan có đủ điều kiện nuôi con nên chị có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị và anh T không có tài sản chung. Khi vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc bố mẹ chị có mua đất làm nhà tại địa chỉ số 242, đường B1, tiểu khu B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Diện tích nhà 85m^2 mang tên Lê Thị T2 (mẹ đẻ chị O). Bố mẹ chị chưa cho vợ chồng mà chỉ cho ở. Do vợ chồng không ở được với nhau nên bố mẹ chị lấy lại. Chị công nhận khi làm nhà thỉnh thoảng anh T có ra trông cho thợ làm. Chị không liên quan gì đến tài sản của bố mẹ. Chị không yêu cầu giải quyết về tài sản. Nếu anh T yêu cầu về tài sản thì anh T giải quyết với bố mẹ chị.

Về công nợ chung: chị và anh T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 31 tháng 5 năm 2018 và bản tự khai bổ sung ngày 21/6/2018 bị đơn anh Trần Quốc T trình bày:

- Về hôn nhân: quá trình kết hôn và đăng ký kết hôn anh thống nhất với ý kiến trình bày của chị O. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với bố mẹ anh một thời gian ngắn thì sang bên ngoại ở. Vợ chồng chung sống đến tháng 5 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, tính cách. Do anh T nợ nần nhiều, quan hệ ngoài hôn nhân với người khác dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Nguyên nhân anh quan hệ với người phụ nữ khác là do chị O không quan tâm đến anh. Vợ chồng quan hệ sinh lý lần cuối vào tháng 3/2018 sau đó không còn tình cảm nên không quan hệ sinh lý trở lại mà sống ly thân. Nay chị O xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Tại bản tự khai bổ sung ngày 21/6/2018 anh T thay đổi quan điểm không đồng ý ly hôn vì giữa anh và chị O chưa thống nhất giải quyết dân sự những việc đã hứa.

- Về con chung: anh T và chị O có 1 con chung như chị O trình bày. Hiện nay cháu đang ở với chị O. Anh là công an công tác tại Trại giam P, mức lương 11.000.000đ/tháng, anh cam đoan có đủ điều kiện nuôi con nên anh xin được nuôi con và không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tại bản tự khai bổ sung anh T trình bày: sau khi vợ chồng kết hôn, ông bà ngoại có mua đất làm nhà tại địa chỉ số 242, đường B1, tiểu khu B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Diện tích nhà ở 85m^2 mang tên Lê Thị T2 (mẹ đẻ chị O). Tổng giá trị xây dựng nhà là 1.000.000.000đ. Sau khi đóng góp công sức xây nhà vợ chồng có trục trặc nên ông bà ngoại đã cho người khác thuê ngôi nhà. Nên anh T yêu cầu chị O và gia đình bên ngoại phải trả cho anh 500.000.000đ tiền đóng góp mua vật liệu xây dựng ngôi nhà trên.

- Về công nợ chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Đối với đương sự, chị O thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Đối với anh T chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Tòa án đã triệu tập đến tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS. Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị O được ly hôn anh Trần Quốc T. Về con: giao con cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản: anh T không nộp tiền tạm ứng án phí giá ngạch tài sản nên không xem xét. Về công nợ: chị O và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xét. Chị O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

Anh Trần Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần 2 nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị O và anh Trần Quốc T dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm. Anh T không chung thủy, ít quan tâm đến gia đình vợ con. Từ đó, dẫn đến cuộc sống

vợ chồng không còn hạnh phúc. Trước đó, chị O đã 2 lần viết đơn khởi kiện xin ly hôn anh T. Tòa án đã thụ lý giải quyết nhưng sau đó chị O đã 2 lần rút đơn khởi kiện và đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án thể hiện chị muốn níu kéo hạnh phúc gia đình nhưng sau đó tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Chị O tiếp tục khởi kiện ly hôn đến Tòa án. Tại phiên tòa chị O vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn. Quan điểm của anh T không nhất quán lúc đồng ý ly hôn, lúc không đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị O được ly hôn anh T là phù hợp thực trạng mâu thuẫn vợ chồng.

[2.2]. Về con: chị O và anh T có 01 con chung Trần Ngô Hà M, sinh ngày 05/10/2014 còn nhỏ, lại là gái cần sự chăm sóc tỉ mỉ của mẹ và đang ở với chị O.Chị O làm việc tại Bệnh viện, thu nhập 5.000.000đ/tháng. HĐXX xét thấy giao con cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng chị O không yêu cầu nên HĐXX không xét buộc anh T nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung: chị O khẳng định vợ chồng không có tài sản chung. Về phía anh T tại bản khai bổ sung yêu cầu chị O và gia đình bên ngoại phải trả cho anh số tiền 500.000.000đ tiền đóng góp mua vật liệu xây dựng ngôi nhà tại địa chỉ số 242, đường B1, tiểu khu B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa mang tên Lê Thị T2 (mẹ đẻ chị O). Sau khi nhận Bản tự khai bổ sung, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh T bỏ về, không ký biên bản hòa giải. Tòa án đã ra Giấy triệu tập số 543/GTrt ngày 22/6/2018, Giấy triệu tập số 581/GTrt ngày 02/7/2018 và Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí giá ngạch tài sản ngày 02/7/2018 giao Thư ký Văn phòng Thừa phát lại tống đạt trực tiếp cho anh T nhưng anh T không đến Tòa án nhân dân huyện Nông Cống để làm đơn yêu cầu giải quyết về tài sản, không đến Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Nông Cống để nộp tiền tạm ứng án phí giá ngạch tài sản và không nộp biên lai cho Tòa án. Vì vậy, Tòa án không giải quyết về tài sản.

- Về công nợ chung: chị O và anh T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xét.

[3]. Về án phí: chị O khởi kiện vụ án xin ly hôn, không thuộc diện được miễn án phí nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều

147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận đơn yêu cầu, chị Ngô Thị O được ly hôn anh Trần Quốc T.

2. Về con chung: giao chị O trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trần Ngô Hà M, sinh ngày 05/10/2014. Chị O không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nhưng anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Ngô Thị O phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2015/0006656 ngày 25/5/2018, chấp nhận chị O đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt chị O, vắng mặt anh T. Chị O có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Ủy ban nhân dân thị trấn N;
- Lưu: HS, VP, Ha (11).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Huệ